



CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ



168 Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh



Số điện thoại: (0283) 8941 228



www.28hungphu.com

TỔNG CÔNG TY 28 CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



Phong cách tự tin, phong cách lịch lãm

MỤC LỤC

- 01** THÔNG TIN CHUNG
- 02** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 03** BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 04** BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 05** QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 06** BÁO CÁO TÀI CHÍNH





PHẦN 1

Thông tin chung

01

Thông tin chung

02

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

03

Quá trình hình thành và phát triển

04

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

05

Định hướng phát triển

05

Các nhân tố rủi ro



Tầm nhìn:

May 28 Hưng Phú luôn theo đuổi mục tiêu trở thành nhà sản xuất áo sơ mi nam nữ cao cấp hàng đầu Việt Nam và có danh tiếng trên thế giới.



Sứ mệnh:

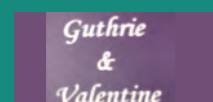
Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác.



Giá trị cốt lõi:

- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.
- Gia tăng giá trị cho xã hội, khách hàng, người lao động và cổ đông là mục tiêu và động lực của sự phát triển bền vững.
- Lao động sáng tạo là nền tảng của sự phát triển.
- Quan hệ hợp tác, chia sẻ, cam kết và thực hiện cam kết là nền tảng văn hóa doanh nghiệp.
- Thời đại và truyền thống là bản sắc của 28 Hưng phú.

THƯƠNG HIỆU



Thông tin khái quát về Công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Tên viết tắt: 28 Hp. co

Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0304753615 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 9 năm 2019

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Địa chỉ: 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: (0283) 8941 228

Số fax: (0283) 8941 688

Website: www.28hungphu.com

Email: info@28hungphu.com

Mã cổ phiếu: HPU



Phong cách tự tin, phong cách lịch lãm

Quá trình hình thành và phát triển

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về khả năng và kinh nghiệm sản xuất áo sơ mi nam/nữ cao cấp, trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, máy móc thiết bị hiện đại. Mặt hàng áo sơ mi nam/nữ với những dòng sản phẩm CLASSIC lịch lãm sang trọng, SLIMFIT trẻ trung năng động, 28 Hưng Phú đã và đang xuất khẩu đến các đối tác tại các thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật với các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới như: Hugo Boss, T.M.Lewin, Brachsoni, Apparel, Arven-co, Ted Baker,...

Chính sách chất lượng của công ty

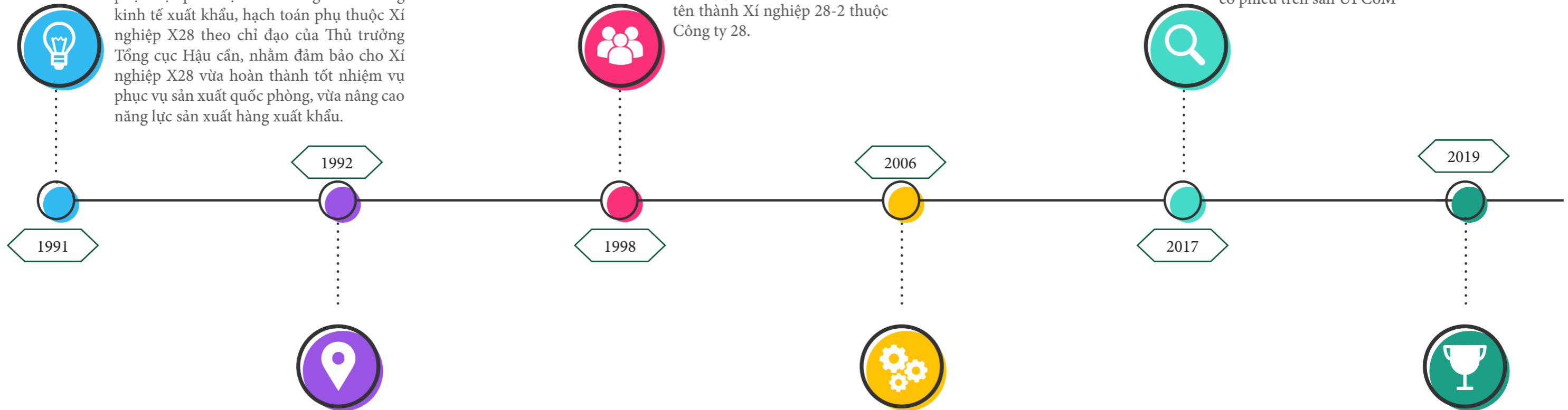
"Chất lượng tốt, giá cạnh tranh, giao hàng đúng hạn".

Công ty được Tổ chức AFNOR cấp chứng chỉ ISO 9001:2015 và Tổ chức WRAP cấp chứng chỉ sản xuất được công nhận trách nhiệm xã hội toàn cầu.

Công ty cổ phần 28 Hưng Phú tiền thân là Xí nghiệp may 28 - cơ sở 2. Công ty được thành lập theo quyết định số 877/QĐ-CB ngày 02/12/1991 của Giám đốc Xí nghiệp. Công ty có nhiệm vụ sản xuất quân trang phục vụ quân đội và tham gia làm hàng kinh tế xuất khẩu, hạch toán phụ thuộc Xí nghiệp X28 theo chỉ đạo của Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần, nhằm đảm bảo cho Xí nghiệp X28 vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ sản xuất quốc phòng, vừa nâng cao năng lực sản xuất hàng xuất khẩu.

Ngày 18/4/1998, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần ra Quyết định số 74 - QĐDDH 16 phê duyệt cơ cấu tổ chức Công ty 28, theo đó Xí nghiệp may 28.2 được đổi tên thành Xí nghiệp 28-2 thuộc Công ty 28.

Ngày 29/12/2017, Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM



Trước yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất của Xí nghiệp X28, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao tính độc lập, tự chủ trong sản xuất kinh doanh ngành may mặc. Đề án tổ chức Công ty may 28 được Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần phê duyệt.

Ngày 11/12/1992, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 71B/QĐ-QP, về kiện toàn Xí nghiệp may X28 thành Công ty may 28 trực thuộc Tổng cục Hậu cần, theo đó (Xí nghiệp may 28 - cơ sở 2) được đổi tên thành Xí nghiệp may 28.2.

Ngày 4/4/2006, Bộ Quốc phòng đã có quyết định số 758/QĐ về việc cổ phần hóa Xí nghiệp 28 - 2 thuộc Công ty 28 Tổng cục Hậu cần.

Ngày 21/9/2006, Bộ trưởng Bộ quốc phòng đã có quyết định số 2431/QĐ BQP về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp 28 - 2 thuộc Công ty 28 thành CTCP 28 Hưng Phú

Ngày 25/10/2006 Công ty tổ chức bán đấu giá công khai tại hội trường Tổng Công ty 28 (số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP.HCM) với kết quả:

Tổng số lượng cổ phần bán được: 155.500 cổ phần.

Giá đấu thành công bình quân là 10.501 đồng/cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Liên tiếp trong 6 năm qua (2014-2019) Công ty được tổ chức WRAP đánh giá và cấp giấy chứng nhận hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với các nguyên tắc xử lý theo tiêu chuẩn trách nhiệm toàn cầu về sản xuất may mặc.

Giải thưởng tiêu biểu của Công ty

Bằng khen của UBND TP.HCM: Đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố – Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 28/04/2017.

Cờ thi đua của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đơn vị xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua quyết thắng – Quyết định số 745/QĐ-HC ngày 13/12/2017.

Bằng khen của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đơn vị có thành tích xuất sắc trong 25 năm thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú trong Quân đội” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng môi trường văn hóa” (1992-2017) – quyết định số 620/QĐ-HC ngày 19/10/2017.

Bằng khen của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Cuộc vận động 50 năm 2017– Quyết định số 744/QĐ-HC ngày 13/12/2017.

Giấy khen của UBND Quận Gò Vấp: Đã tích cực tham gia phong trào “Hiến máu tình nguyện” năm 2017 – Quyết định số 4134/QĐ-UBND ngày 05/12/2017.

Công đoàn cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn và phong trào công nhân năm 2017.

Hội phụ nữ cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ Quân đội năm 2017. Quyết định số 2419/QĐ-CT ngày 26/12/2017.

Đoàn thanh niên cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên năm 2017.



Bằng khen của Bộ Tài chính: Đã có thành tích thực hiện tốt công tác kê khai, nộp thuế năm 2017 – Quyết định số 846/QĐ-BTC ngày 05/6/2018 của Bộ Tài chính.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2016 đến năm 2017, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố Quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc - Quyết định số 1908/QĐ-BQP ngày 24/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018). Quyết định số 2878/QĐ-BQP ngày 19/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Giấy khen của Tổng Công ty 28: Đã có thành tích tốt trong sơ kết phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới” giữa giai đoạn (2016 - 2020). Quyết định số 366/QĐ-TCT ngày 10/5/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty 28.

Bằng khen của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng giai đoạn 2013 - 2018 – Quyết định số 555-QĐ/HC ngày 30/10/2018 của Chính ủy Tổng cục Hậu cần.

Giấy khen của UBND Quận Gò Vấp: Đã tích cực tham gia phong trào “Hiến máu tình nguyện” năm 2018 – Quyết định số 3964/QĐ-UBND ngày 12/11/2018.

Bằng khen Tổng cục Chính trị - Quân đội Nhân dân Việt Nam (QĐNDVN): Hội phụ nữ có mô hình thi đua xuất sắc trong triển khai phong trào thi đua và các cuộc vận động của Phụ nữ Quân đội 2016 – 2018 – Quyết định số 1988/QĐ-CT ngày 13/11/2018 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Cờ thi đua của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đơn vị xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2018 – Quyết định số 712/QĐ-HC ngày 25/12/2018.

Công đoàn cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ Thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn và phong trào công nhân năm 2018.

Hội phụ nữ cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ Quân đội năm 2018.

Đoàn thanh niên cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên năm 2018.

GOLD CERTIFICATE OF COMPLIANCE

28 Hung Phu Joint Stock Company

WRAP #: 15376
Certification Period: June 27, 2018 to June 27, 2019
Facility Address: No. 168, Quang Trung Street
Ward 10, Go Vap District
Ho Chi Minh City
Vietnam
Production Processes: Cutting, Sewing, Inspection, Finishing, and Packing
Sample Size: 30
Average Weekly Hours in Periods Reviewed: November 2017: 54 January 2018: 54 April 2018: 54

Please refer to the full audit report for details.

Avedis H. Seferian
President & CEO

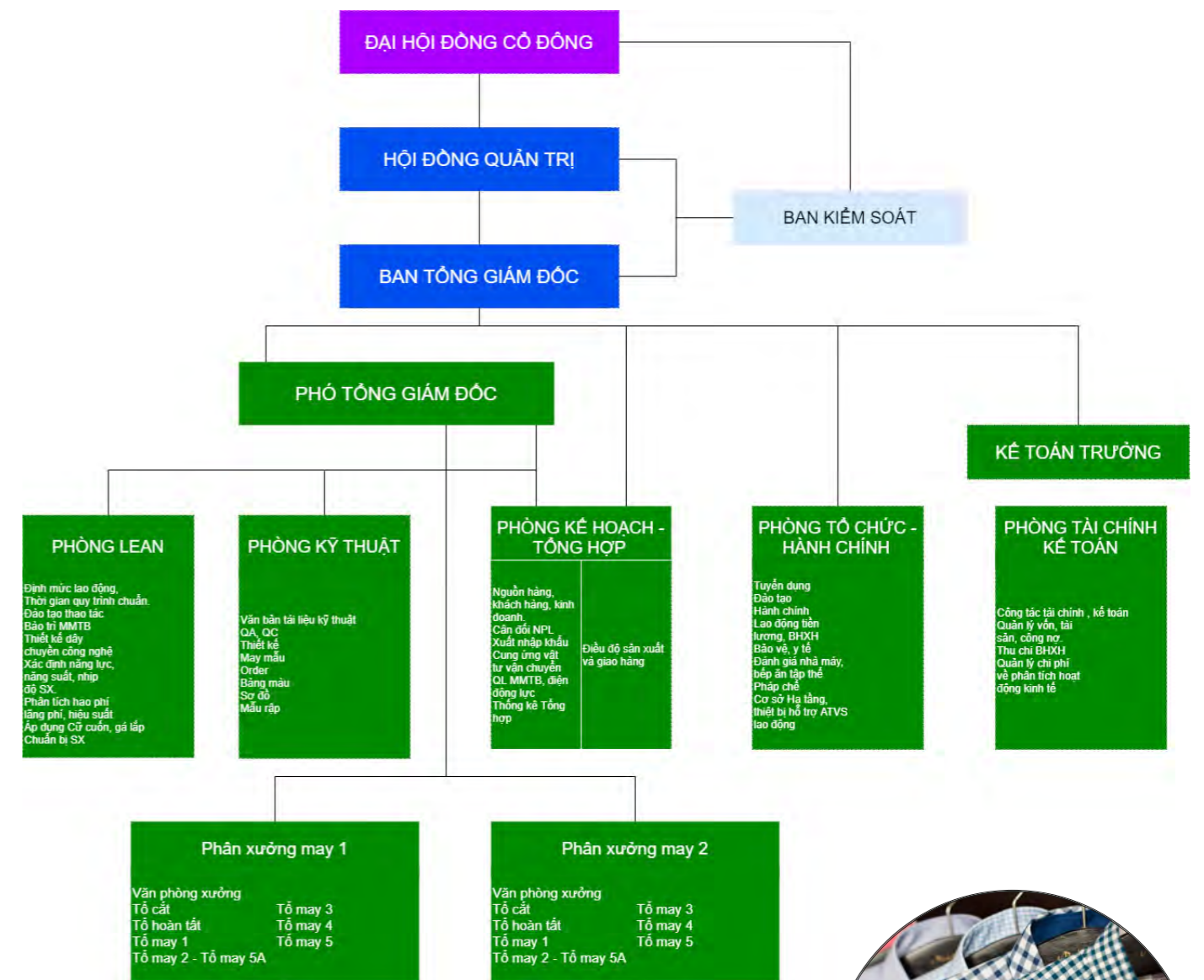


Charles C. Masten
Chairman

Subject to the terms and conditions of the WRAP Certification Program and full compliance with the WRAP Production Principles



Cơ cấu bộ máy quản lý



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:
 Sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in);
 Sản xuất, mua bán các loại nguyên phụ liệu, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị ngành may mặc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi - mạ điện);
 Kinh doanh bất động sản;
 Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
 Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang thị trường các nước: Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, ...





Định hướng phát triển

►► Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

28 Hưng Phú luôn theo đuổi mục tiêu trở thành nhà sản xuất áo sơ mi nam nữ cao cấp hàng đầu Việt nam và có danh tiếng trên thế giới.

Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tối ưu hoá quy trình sản xuất khép kín hiện nay thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến tốc độ và hiệu quả quản lý sản xuất bằng các phương pháp, kỹ thuật tiên tiến. Công ty sẽ tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt, hoàn thiện hơn nữa quy trình từ sợi đến vải đến sản phẩm may mặc.

►► Chiến lược về thị trường

“Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao, xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với các khách hàng, đối tác” cụ thể:

- Xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần 28 Hưng phú là một thương hiệu mạnh “Đẳng cấp về chất lượng hàng cao cấp” tự chủ làm hàng FOB tự chủ với nước ngoài (Cấp 2) không qua văn phòng đại diện của khách hàng, tự thiết kế sản xuất theo hình thức ODM.
- Tập trung vào thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản, phát triển thêm thị trường trong nước và từng bước mở rộng sang thị trường của nước khác trong khu vực.
- Đầu tư và hợp tác đầu tư liên doanh liên kết với các đơn vị cùng ngành nghề để tận dụng năng lực, mở rộng sản xuất.
- Phát triển thêm các phương thức kinh doanh hàng nội địa, ngành nghề khác khi có điều kiện.

►► Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp

Công ty tạo điều kiện môi trường làm việc cho cán bộ, công nhân viên, công tác sản xuất tinh gọn, triển khai tích cực các hoạt động làm chuyển biến tư tưởng, nhận thức từ cán bộ điều hành đến người lao động giảm hao phí, lãng phí; năng suất tăng, chất lượng dần ổn định, thu nhập có chiều hướng tăng tạo sự gắn bó giữa người lao động với công ty.



►► Chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng lẫn chất lượng, quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên trở thành những người có năng lực thực thụ, chuyên nghiệp, lành nghề và trình độ chuyên môn cao.

►► Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính:

Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính đủ mạnh đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD. Khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn, để phát triển Công ty, nâng cao tiềm lực và khả năng cạnh tranh ở trong và ngoài nước.



►► Chiến lược về đầu tư:

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh (SXKD) phát triển với tốc độ cao. Đảm bảo tất cả sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được tiến độ giao hàng. Đầu tư và phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Cải tạo văn phòng, nhà xưởng và các công trình phụ trợ.

►► Chiến lược ứng dụng khoa học kỹ thuật tiến bộ

Đầu tư, phát triển Công ty theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, nắm bắt kịp thời xu hướng công nghệ 4.0 trong ngành công nghiệp Dệt may hiện nay.



Các nhân tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2019 là năm biến động kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Do đó, quá trình lưu thông hàng hóa toàn cầu có sự chuyển dịch, đặc biệt là Ngành Dệt may với các hợp đồng đơn hàng gia công xuất khẩu có xu hướng chuyển dịch về thị trường Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, với bất kể cuộc chiến nào cũng sẽ làm tổn thương nền kinh tế của các bên tham gia. Khi Trung Quốc là đối tác xuất khẩu sợi phục vụ Ngành Dệt may Việt Nam thì Mỹ là đối tác mà Việt Nam đang ngày càng gia tăng xuất khẩu. Vì thế, tình hình căng thẳng giữa hai nước tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Việt Nam.

Trong khi đó, tình hình kinh tế trong nước có khả quan. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tăng trưởng sản phẩm quốc nội trong năm (GDP) đạt 7,02%, tiếp tục là một năm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Thị trường Dệt may trong nước (trong đó có 28 Hưng Phú) phát triển nhờ sự tăng trưởng của thị trường thế giới cũng như thị trường nội địa để đạt được các hợp đồng gia công lớn.

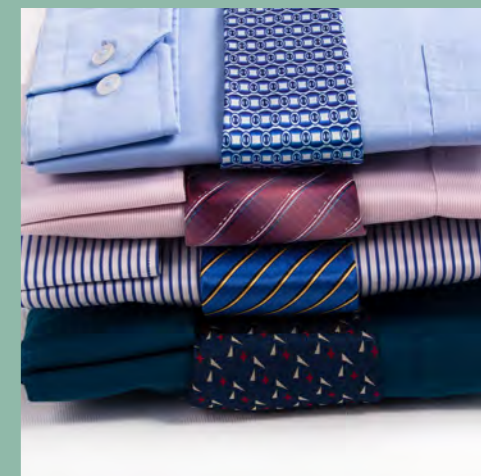
Do đó, Công ty luôn cố gắng hiểu rõ thách thức mà nền kinh tế đặt ra, chuyển hóa thách thức thành cơ hội để phát triển Công ty. Ngoài việc đầu tư máy móc thiết bị, công tác quản lý doanh nghiệp, 28 Hưng Phú còn nắm vững xu hướng chuyển dịch Ngành Dệt may toàn cầu, am hiểu về Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu để tận dụng các cơ hội tốt hơn.



Rủi ro nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của Ngành Dệt may Việt Nam chủ yếu từ nguyên vật liệu nhập khẩu do nguồn cung trong nước chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu. Nhập khẩu nguyên vật liệu của Hưng Phú chủ yếu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan. Vì vậy, biến động về thị trường nguyên vật liệu tại nguồn cung này sẽ gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, thời gian sản xuất, gia công sản phẩm bị kéo dài hơn so với các nước Trung Quốc, Ấn Độ - nơi có thể chủ động nguyên, vật liệu - là khoảng 20 đến 30 ngày, ảnh hưởng tới quyết định của khách hàng vì khi cần thiết khách hàng sẽ chọn nơi xử lý đơn hàng nhanh nhất.

Để giảm thiểu những rủi ro này, Công ty cần chủ động sản xuất nguyên, vật liệu, thay đổi phương thức xử lý đơn hàng, hoàn thiện chuỗi cung ứng giá trị dệt may. Tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho, sử dụng hệ thống quản trị doanh nghiệp để có sự phân bổ hiệu quả nguồn lực.



Rủi ro tỷ giá

Với nguyên vật liệu được nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc thì tỷ giá cũng là vấn đề được đặt ra của 28 Hưng Phú. Biến động về tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá VNĐ - USD, sẽ là nguyên nhân làm cho giá vốn hàng hóa khó kiểm soát gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, kế hoạch được đặt ra, Công ty cần theo dõi và có những quyết định phù hợp với hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu tạo thuận lợi nhất cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Là Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam được đăng ký giao dịch trên sàn Chứng khoán. Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú cần tuân thủ những quy định pháp luật như là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Xuất nhập khẩu... Hiện tại một số luật, chính sách, chế tài đang được đổi mới, điều đó yêu cầu Công ty cần phải chuẩn bị kỹ lưỡng để đáp ứng những chính sách này.

Đối với Ngành Dệt may, ngoài các chính sách ưu đãi, Ngành Dệt may còn chịu những quy định nghiêm ngặt về vấn đề bảo vệ môi trường, quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may... Đến năm 2030, tầm nhìn Chính Phủ về Ngành Dệt may phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạn chế gây ô nhiễm môi trường. Xu hướng phát triển Ngành Dệt may của Việt Nam ngày càng trở nên khắt khe hơn. Do đó, Công ty phải chú trọng đáp ứng các đòi hỏi mà Pháp luật đặt ra.





Rủi ro nguồn nhân lực

Ngành Dệt may là một ngành có sự thâm dụng lao động cao. Do đó, chi phí lao động quyết định lớn đến lựa chọn nhà sản xuất dệt may. Theo đánh giá của World Bank, chi phí nhân công tại Việt Nam cao hơn hầu hết các nước trong khu vực. Tiền công và tiền lương của doanh nghiệp trung vị tại Việt Nam vào khoảng 2.739 USD/lao động. Mức này cao gấp hai lần các nước Lào, Myanmar, Malaysia, và hơn từ 30 – 45% so với Campuchia, Thái Lan, Philippines. Nhận định được điều này, Công ty tập trung mũi nhọn vào các sản phẩm có giá trị thặng dư cao nhằm cạnh tranh với các đối thủ có nguồn lực giá rẻ, đồng thời tận dụng lợi thế năng lực nhân công may mặc có năng suất cao. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện chính sách “thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, tăng đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động hóa máy móc thiết bị, nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp.

Rủi ro khác

Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty cũng bị tác động bởi những rủi ro bất khả kháng như: Lũ lụt, hạn hán, động đất, cháy nổ,... đòi hỏi 28 Hưng Phú luôn chủ động phòng ngừa, có biện pháp xử lý kịp thời khi có vấn đề xảy ra. Để giảm thiểu rủi ro này, 28 Hưng Phú nên mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản nhằm đảm bảo thiệt hại cho Công ty, cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư.



PHẦN II

Tình hình hoạt động trong năm

01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

02 Tổ chức và nhân sự

03 Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

04 Tình hình cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

05 Báo cáo tác động tới môi trường và xã hội

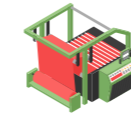
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 đã chưa thành công với Ngành Dệt May cũng như các doanh nghiệp trong Ngành với các kết quả chưa đạt như kỳ vọng - kim ngạch xuất khẩu Ngành chỉ đạt 97,5% so với kế hoạch, tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với năm 2018. Những nguyên nhân đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất của toàn Ngành Dệt May là sự biến động lớn của thị trường.

Cụ thể, tổng nhu cầu dệt may thế giới năm 2019 giảm mạnh so với năm 2018; đơn hàng nhỏ tăng, thời hạn giao hàng rút ngắn, cạnh tranh mạnh về giá bán, biến động giá nguyên liệu xơ sợi khó lường; thị trường xuất khẩu sợi chính (Trung Quốc) bị thu hẹp; cạnh tranh gay gắt với hàng nhập lậu, hàng giả, sự có mặt của các thương hiệu nước ngoài; những hạn chế vốn có từ nền kinh tế trong nước (chi phí đầu vào cao, năng lực cạnh tranh thấp, kiểm soát thị trường ...) và của các doanh nghiệp (khả năng dự báo, khai thác năng lực hiện có....). Từ đó, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của Ngành, trong đó có 28 Hưng Phú.

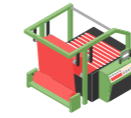
Đứng trước những khó khăn trên, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty May 28 Hưng Phú đã có một năm hoạt động với những kết quả kinh doanh tương đối khả quan như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	TH 2019	KH 2019	TH2019/ TH2018	TH2019/ KH2019
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	450,45	461,85	450,00	102,53%	102,63%
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	407,91	424,41	-	104,05%	-
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,93	9,72	10,48	97,89%	92,75%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	22,00	20,00	20,00	90,91%	100,00%



Một số hoạt động nổi bật trong năm:

- Nguồn hàng, khách hàng của Công ty được đảm bảo đủ cho sản xuất được liên tục.
- Cơ sở hạ tầng và máy móc, thiết bị (MMTB) được đầu tư đồng bộ, hiện đại.
- Cán bộ nhân viên, người lao động (CBNV-NLĐ) nhiệt tình, trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được giao.



Kết quả là, trong năm hợp đồng gia công sản phẩm hàng dệt may của Công ty nhiều hơn với hơn 1,83 triệu sản phẩm xuất khẩu chiếm 80% năng lực sản xuất của Công ty. Đồng thời, doanh thu thuần là 461,85 tỷ đồng (tăng 2,53% so với năm 2018) hoàn thành 102,63% kế hoạch năm. Năm 2019 do tình hình khó khăn về nguồn lao động, để kịp thời giao hàng cho khách đúng thời gian hợp đồng, nên công ty đã tổ chức làm thêm nhiều và phải thuê gia công bên ngoài làm giá vốn hàng bán tăng hơn 16 tỷ đồng, ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của công ty. Do đó, lợi nhuận sau thuế giảm còn 9,72 tỷ bằng 97,89%



Tổ chức và nhân sự

Thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
2	Vũ Sĩ Nam	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Tăng Hùng	Kế toán trưởng

Ông Lê Đức Khiêm - Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

07/2018 - 02/2003	Nhân viên Tài chính - Hành chính thuộc Cơ quan đại diện của Công ty 28 tại Đà Nẵng sau này là chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28.
02/2003 - 06/2004	Phụ trách Phòng nghiệp vụ chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28
06/2004 - 01/2005	Phụ trách Phó Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28
01/2005 - 12/2008	Quyển Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28
12/2008 - 06/2009	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng - thuộc Công ty 28
06/2009 - 06/2014	Kế toán trưởng - Tổng công ty 28
06/2014 - 06/2016	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú - Tổng công ty 28
06/2016 - 07/2016	Phó Tổng Giám đốc công ty CP Bình Phú - Tổng công ty 28
07/2016 - 03/2019	Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Bình Phú - Tổng công ty 28
03/2019 - 09/2019	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi - Tổng công ty 28
10/2019 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú - Tổng công ty 28
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phần đại diện	600.000 cổ phiếu tương ứng 30% vốn điều lệ

Ông Vũ Sĩ Nam - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

05/1999 - 09/1999	Nhân viên kế toán Công ty Xuân Mai - Tổng cục kỹ thuật
10/1999 - 06/2000	Nhân viên kế toán trường Cao đẳng Kỹ thuật Vinhempish - Tổng cục kỹ thuật
07/2000 - 08/2007	Nhân viên Marketing Phòng Thị trường Công ty 28 - Tổng cục Hậu cần
09/2007 - 04/2010	Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp may đo Công ty 28 - Tổng cục Hậu cần
05/2010 - 02/2012	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp may đo Công ty 28 - Tổng cục Hậu cần
03/2012 - 07/2018	Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp Công ty Cổ Phần 28 Hưng Phú
08/2018 - nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần 28 Hưng Phú
Số lượng cổ phần đang sở hữu:	0 cổ phần

Ông Tăng Hùng - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

09/1997 - 2000	Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 - Công ty May 28
01/2001 - 06/2014	Nhân viên kế toán Tổng công ty 28
07/2014 - nay:	Kế toán trưởng Công ty CP 28 Hưng Phú
Số lượng cổ phần đang sở hữu:	0 cổ phần

Những thay đổi trong Ban Điều hành

STT	Quyết định	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	334/TB-CTCP	Ông Lê Đức Khiêm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
2	334/TB-CTCP	Ông Trần Kim Quỳnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
3	312/CTCP-TCKT	Ông Hoàng Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm này 11/09/2019
4	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2019	Ông Lê Đức Khiêm	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/10/2019
5	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2019	Ông Trần Kim Quỳnh	Phó chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/10/2019

Tổ chức và nhân sự

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Năm 2018	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	763	100%
1	Đại học, trên Đại học	45	5,90%
2	Cao đẳng	33	4,33%
3	Trung cấp	22	2,88%
3	Sơ cấp	663	86,89%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	763	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	82	10,75%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	681	89,25%

Chính sách đối với người lao động

Xây dựng phương án trả lương năm 2019 theo phương pháp tiên tiến, đảm bảo tính khoa học, công bằng và khuyến khích người lao động (đặc biệt quan tâm điều chỉnh tăng lương cho công nhân trực tiếp sản xuất), đồng thời hạn chế thấp nhất người lao động yếu kém không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành bộ máy Công ty. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng và quan tâm đến các chính sách người lao động. Ban lãnh đạo đã thực hiện các giải pháp về nhân sự như sau:

- Ổn định việc làm, giảm thiểu thời gian chờ việc của người lao động.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, bồi dưỡng chăm sóc nguồn nhân lực với phương châm “Lao động là vốn quý”.
- Dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực (ASK), tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) tiến hành soát xét cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm công việc, mối quan hệ và tính hiệu quả của từng thành viên.

Về tuyển dụng

Rà soát các vị trí từ cán bộ quản lý đến nhân viên và người lao động, lập kế hoạch luân chuyển, tuyển dụng, đào tạo để luôn đủ về số lượng và chất lượng lao động, có nguồn thay thế, bổ sung kịp thời.

Tập trung tìm nhiều giải pháp và biện pháp để tuyển lao động bù đắp số lao động thiếu; đổi mới và cải tiến các chính sách để giữ chân người lao động.

- Lập kế hoạch và tổ chức triển khai các biện pháp tuyển dụng, đảm bảo lao động để bổ sung lao động vắng hàng ngày của các Chuyên.
- Tổ chức lập kế hoạch đào tạo kèm cặp thường xuyên hàng tháng, đối với một số người lao động yếu, người lao động mới;
- Tổ chức thi nâng bậc, nâng lương theo đúng qui định hàng năm.

Chính sách đào tạo

- Đào tạo và sử dụng hiệu quả công nhân cơ động của hai phân xưởng, đồng thời tích cực triển khai đào tạo nâng cao tay nghề công nhân trong chuyên theo phương pháp demo để tăng năng suất lao động theo mục tiêu từng giai đoạn.
- Duy trì tốt các công tác đào tạo, quản lý, đã phối hợp với các trung tâm đào tạo tổ chức nhiều khóa học cho người lao động. Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nội bộ, giảng viên nội bộ truyền đạt kinh nghiệm thực tế kết hợp với đào tạo trường lớp về chuyên môn.

Chế độ đãi ngộ và khen thưởng, phúc lợi

Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm công tác thi nâng bậc, xét nâng lương, lương bậc, chuyển ngạch, chuyển nhóm theo đúng các quy định của Nhà nước. Bảo đảm thường xuyên việc làm cho người lao động, không để phát sinh trả lương chờ việc.

Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ nhân viên được tổ chức công bằng, thực hiện phân chia thu nhập theo năng lực, đảm bảo thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Tất cả người lao động đều được đóng bảo hiểm xã hội (bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội) theo quy định và đảm bảo quyền lợi về tinh thần, vật chất cho người lao động theo quy định của Pháp luật.

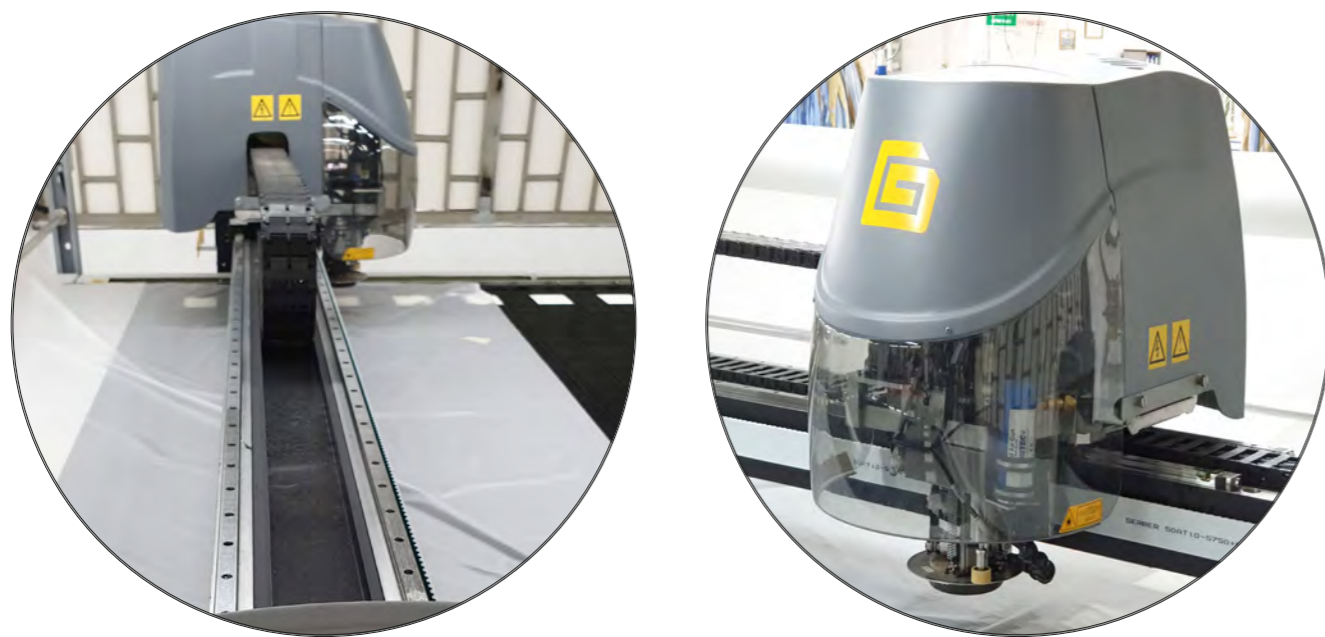
Chi phí tiền lương thực hiện theo đúng phương án lương đã được phê duyệt trên cơ sở:

- Thông tư số 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Thông tư số 61/2008/TT-BQP ngày 04/8/2008 của Bộ Quốc phòng về thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm và chế độ trách nhiệm đối với cán bộ đoàn thể;
- Hướng dẫn số 763/HD-CT ngày 14/12/2009 của Cục Chính trị - TCHC hướng dẫn thực hiện thông tư số 61/2008 của Bộ Quốc phòng đối với cán bộ Công đoàn;
- Tổ chức xây dựng phương án tiền lương, tiền thưởng và tổ chức triển khai phổ biến rộng rãi đến CBNV-NLĐ trong Công ty hiểu và thực hiện.



Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định theo kế hoạch, tổng giá trị đầu tư theo kế hoạch 9,72 tỷ đồng, giá trị đã tiến hành đầu tư 9,81 tỷ đồng, đạt 100,97% kế hoạch.



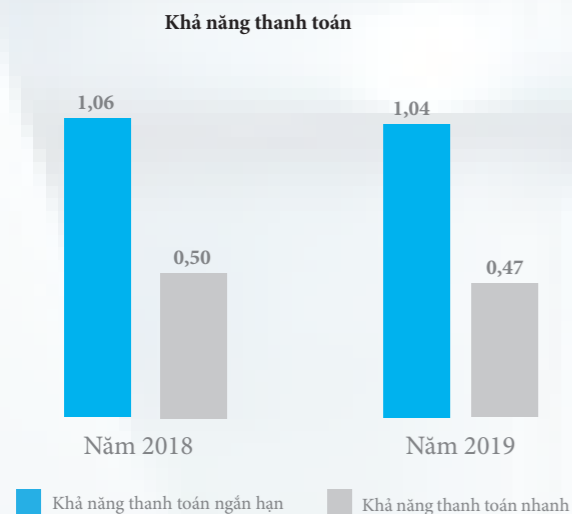
Công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định tuân thủ các quy định về mua sắm tài sản cố định.

Công tác thanh lý tài sản cố định tuân thủ các quy định về thanh lý tài sản cố định.

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
Khả năng thanh toán nhanh			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	1,04
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,47
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	79,93	78,94
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	398,20	374,79
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	5,07	5,39
Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,67	2,64
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,20	2,11
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	55,60	26,99
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,16	5,55
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,60	2,22

Đơn vị tính: Lần

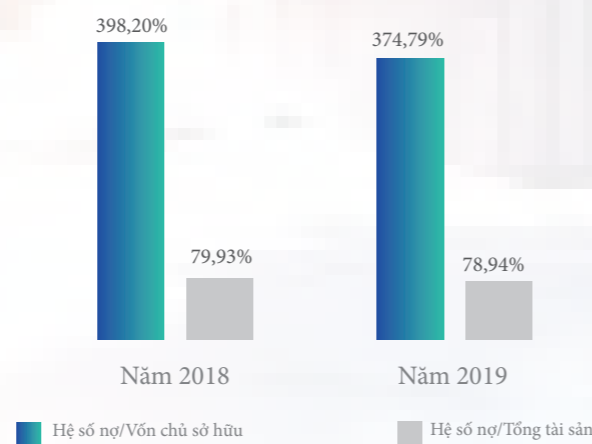


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2019, cả 2 chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty tương đối ổn định so với năm 2018, cho thấy HPU vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán của mình với các khoản nợ ngắn hạn hiện tại của Công ty. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh năm 2019 lần lượt là 1,04 lần (năm 2018 là 1,06 lần) và 0,47 lần (năm 2018 là 0,5 lần), có giảm nhưng không đáng kể. Các chỉ tiêu về hàng tồn kho, phải thu khách hàng và nợ ngắn hạn đều thấp hơn cùng kỳ; ngược lại tiền và tương đương tiền của Công ty lại tăng lên. Như vậy, năm 2019 với những chính sách bán hàng phù hợp, giảm bớt các khoản nợ và duy trì lượng tiền mặt cao sẽ giúp May 28 Hưng Phú chủ động hơn trong các năm tới.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giảm so với cùng kỳ tuy nhiên vẫn duy trì ở mức khá cao. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm còn 78,94% (năm 2018 là 79,93%) và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 3,75 lần (năm 2018 gần 4 lần). Với mức tỷ lệ cao như vậy thì phần lớn tài sản của Công ty đều được tài trợ bởi các khoản nợ, trong đó 47% là nợ vay ngắn hạn chịu lãi ngân hàng và không có các khoản nợ vay dài hạn. Điều này sẽ làm cho khả năng thanh toán lãi vay và gốc vay của Công ty luôn được đảm bảo và ít chịu rủi ro khi tình hình lãi suất biến động nhiều.

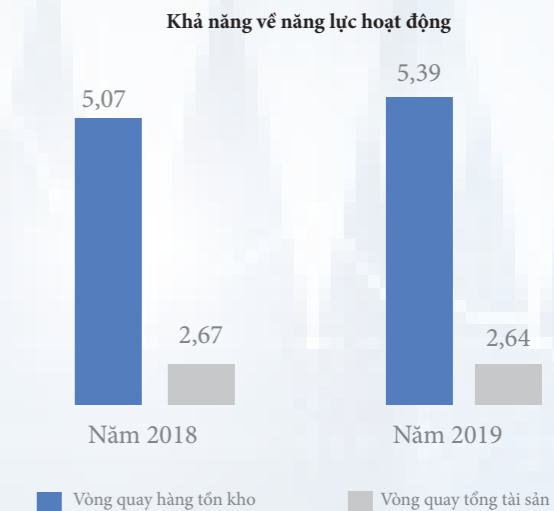


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

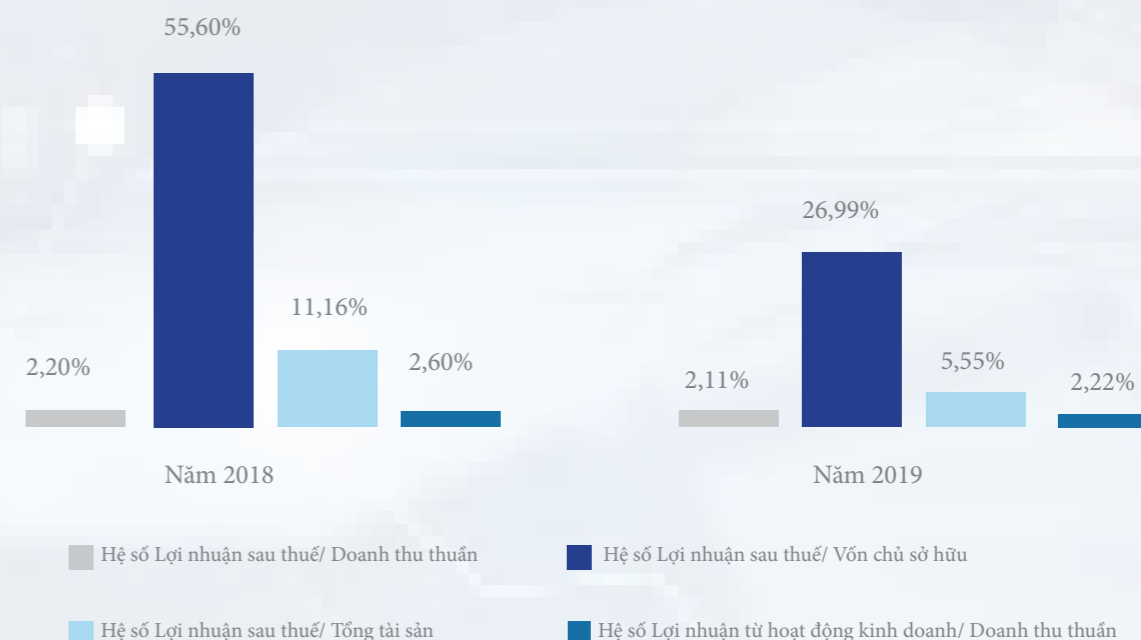
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty có sự cải thiện hơn so với năm 2018 khi vòng quay hàng tồn kho tăng lên 5,39 vòng (từ 5,07 vòng của năm 2018), nhờ hoạt động kinh doanh trong năm gặp nhiều thuận lợi, Công ty có nhiều đơn hàng hơn nên hàng tồn kho và số ngày tồn kho giảm. Vòng quay tổng tài sản vẫn tương đối ổn định, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty vẫn đang được duy trì.

Đơn vị tính: Vòng



Hệ số khả năng sinh lời

Năm 2019 mặc dù hoạt động kinh doanh có nhiều thuận lợi, doanh thu tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng do tình hình khó khăn về nguồn lao động, nên để kịp thời giao hàng cho khách đúng thời gian hợp đồng, Công ty đã tổ chức làm thêm nhiều hơn đã ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của công ty, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ. Dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm nhẹ so với năm trước, làm cho tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đã giảm từ 29,84% (năm 2018) xuống 26,99% năm 2019 nhưng vẫn duy trì ở mức cao nhờ hiệu quả sử dụng nợ tốt.



Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Thông tin cổ phần tại thời điểm 31/12/2019
- Vốn điều lệ công ty: 20.000.000.000 đồng
- Tổng cổ phiếu phát hành: 2.000.000 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	01	1.066.400	53,32%
2	Cổ đông khác	191	933.600	46,68%
2.1 Cổ đông trong nước				
-	Tổ chức (khác Nhà nước)	-	-	-
-	Cá nhân	191	933.600	46,68%
2.2 Cổ đông nước ngoài				
		-	-	-
Tổng cộng		192	2.000.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018, Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2018, Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác:

Không có.



Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội của Công ty

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất của HPU, việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất. Trong những năm qua, công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty được đánh giá tốt, các bộ phận nghiệp vụ liên quan đã đạt được sự hiệu quả từ công tác thu mua đến quản lý sử dụng, hạn chế được sự thất thoát và tiết kiệm chi phí hoạt động.

Chi phí nguyên vật liệu sản xuất theo đúng định mức Công ty đã ban hành: Thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu động lực trong sản xuất cho từng loại sản phẩm, nghiên cứu điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để tiết giảm chi phí trong sản xuất. Đầu tư, nghiên cứu kết hợp với tham quan một số đơn vị cùng ngành, thực hiện tiết kiệm định mức nguyên liệu bằng các biện pháp đi sơ đồ ghép, độ dài bàn trải, đặc biệt là các loại nguyên liệu sọc, caro với chu kỳ lớn.

Tiêu thụ năng lượng, nước

28 Bình Phú đánh giá việc tiết kiệm năng lượng là một trong những tiêu chí hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững từ dự án tiết kiệm điện năng lượng.

Thực hiện tốt chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm, theo các đề xuất của kiểm toán năng lượng, vận động và tuyên truyền nội bộ tuân thủ nghiêm túc các quy định, quy trình về sử dụng năng lượng tiết kiệm là đang góp phần phát triển kinh tế của Công ty cũng như toàn xã hội.

Do hoạt động Công ty phần lớn nhập vải nguyên liệu về, không có hoạt động dệt, nhuộm nên lượng nước sử dụng chỉ dùng cho mục đích sinh hoạt. Công ty chưa có quy trình tái chế sử dụng nước thải. Do đó, Công ty không có lượng nước thải được tái chế sử dụng.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, cụ thể đã thực hiện đầy đủ các báo cáo về môi trường định kỳ theo quy định; đóng thuế tài nguyên nước và bảo vệ môi trường với lượng nước thải vừa đủ ...

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty thực hiện chính sách tiền lương, thưởng theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc, đảm bảo tính hợp lý, công bằng, khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng thu nhập. Thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhằm đảm bảo ổn định và thu hút lao động, áp dụng thưởng doanh thu, hoàn thành nhiệm vụ cho cá nhân. Việc chi trả tiền lương hàng tháng cho người lao động đúng theo quy chế đã xây dựng, thời gian chi trả luôn đầy đủ, không có xảy ra khiếu nại về tiền lương, chậm và nợ lương.

Trách nhiệm vì cộng đồng

Đi song song với chính sách phúc lợi cho cán bộ công nhân viên của mình thì công tác xã hội, cộng đồng cũng được 28 Hưng Phú chú trọng và thực hiện tốt: Hàng năm công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể cán bộ, công nhân viên trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo; đồng bào vùng sâu vùng xa.





PHẦN III

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

01

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

02

Tình hình tài chính Công ty

03

Kế hoạch phát triển tương lai

04

Đánh giá báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Báo cáo tác và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Thuận lợi

Nguồn hàng, khách hàng ổn định với các mặt hàng truyền thống, cơ bản phù hợp với công nghệ sản xuất. Ngoài sản xuất trong xưởng, Công ty còn cân đối đưa hơn 260.000 sản phẩm đi gia công.

Máy móc trang thiết bị được đầu tư bổ sung, thay thế, sửa chữa kịp thời đáp ứng tốt theo yêu cầu của sản xuất, môi trường, điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện tốt.

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Tổng công ty 28, HĐQT, sự giúp đỡ của các đơn vị trong tổ hợp Tổng Công ty 28, các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội đã tạo động lực cho Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Khó khăn

Nhà nước tăng lương tối thiểu vùng từ 01/01/2019 đã làm tăng chi phí BHXH, BHYT, BHTN và chi phí bù lương tối thiểu cho người lao động. Thị trường ngành Dệt may cạnh tranh gay gắt về nguồn hàng, giá gia công; nguồn lao động biến động, tuyển dụng khó khăn; lao động nghỉ hàng ngày nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.



Ban lãnh đạo đã đạt được các kết quả trọng tâm như sau:

Nguồn hàng được tăng cường, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đưa sản phẩm gia công bên ngoài để tăng doanh thu, tăng hiệu quả SXKD. Tổng sản phẩm sản xuất gia công ngoài là 250.000 sản phẩm, tương ứng 50 tỷ đồng.



Tổ chức, đơn đốc các phòng chức năng thường xuyên nghiên cứu thật kỹ về mẫu mã của sản phẩm, chất liệu, đọc kỹ các tài liệu, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất, đưa ra các giải pháp, cách làm và đề xuất áp dụng các loại cũ cuốn vào sản xuất nhằm đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng cao, đúng yêu cầu kỹ thuật.

Công tác kiểm tra giám sát kết quả hoạt động SXKD diễn ra thuận lợi. Kết quả kết luận của các Đoàn kiểm tra, kiểm toán cho thấy tất cả các nghiệp vụ, chế độ chính sách đều thực hiện đúng quy định, số liệu giữa sổ sách, thực tế rõ ràng và khớp nhau.

Quyết toán thuế rõ ràng và minh bạch với Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh đến hết tháng 07/2019.

Tổ chức khai thác, đầu tư máy móc thiết bị đạt hiệu quả cao trong vận hành.

Xây dựng và duy trì định mức tồn kho tối thiểu, qui định thời gian đồng bộ nguyên phụ liệu (NPL) triển khai tổ chức duy trì áp dụng nghiêm túc và thường xuyên rà soát thực hiện công tác đối chiếu thực tế với sổ sách kế toán của tất cả các kho nguyên phụ liệu, bán thành phẩm, thành phẩm vào ngày cuối tháng.

Tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên năm 2019, thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đầy đủ.

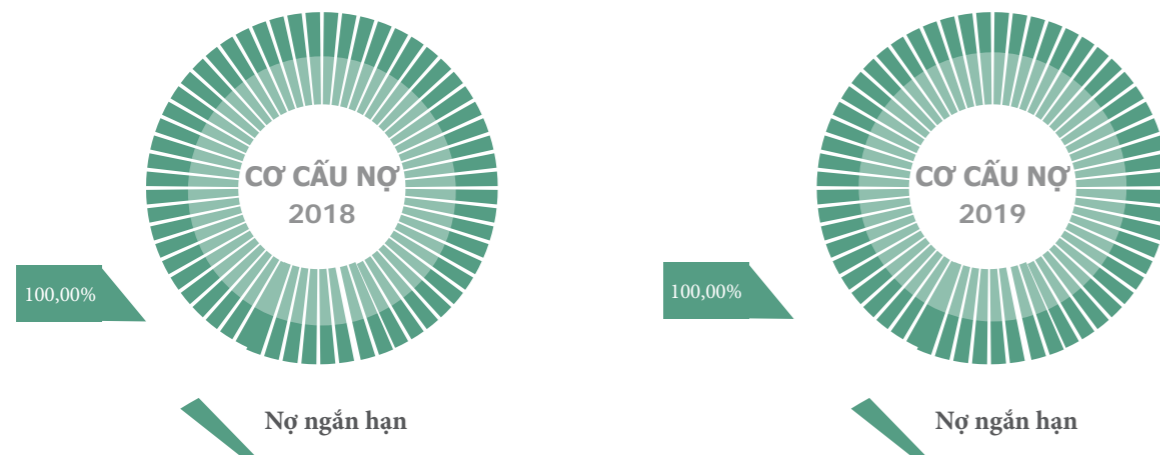
Thực hiện tổng hợp số liệu năm 2019, triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo thông báo đúng quy định.

Kế hoạch tài chính luôn được quản lý một cách chặt chẽ, lập biên bản đối chiếu hàng tháng đơn đốc thu hồi công nợ bằng nhiều biện pháp, không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi; quản lý tốt dòng tiền đảm bảo kinh phí phục vụ SXKD từ đầu năm đến nay.

Tình hình tài chính

Tình hình nợ phải trả

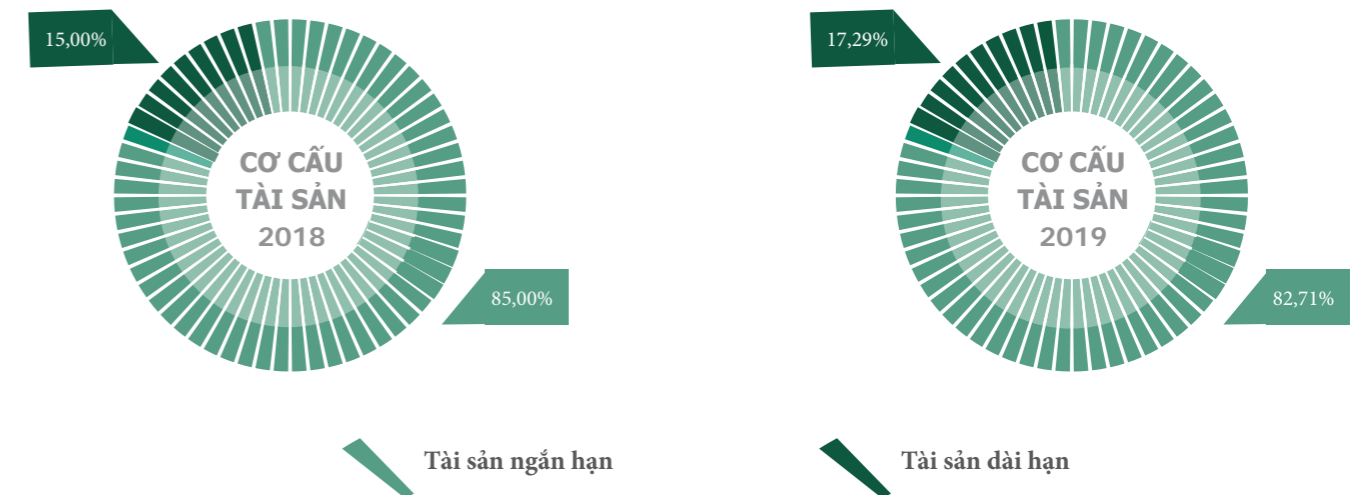
Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	142,16	136,26
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	-	-
Tổng nợ	Tỷ đồng	142,16	136,26



Nợ phải trả của HPU hoàn toàn là các khoản nợ ngắn hạn. Tại thời điểm 31/12/2019, nợ ngắn hạn của Công ty là 136,26 tỷ đồng (giảm 8 tỷ đồng so với đầu năm), trong đó, có đến 72 tỷ đồng (chiếm 52,8%) là nợ mà Công ty chiếm dụng từ nhà cung cấp, từ người lao động và các khoản chiếm dụng khác; phần còn lại hơn 64 tỷ đồng (chiếm 47,2%) là nợ vay ngắn hạn dưới 1 năm để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến hết ngày 31/12/2019, Công ty còn 1 khoản nợ vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Bắc Sài Gòn với lãi suất đi vay tương đối thấp là 3,5%/năm, do đó Công ty hầu như ít chịu rủi ro khi tình hình lãi suất trên thị trường biến động nhiều.

Tình hình tài sản

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	151,18	141,92
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	26,68	30,70
Tổng tài sản	Tỷ đồng	177,86	172,62



Cơ cấu tài sản của Công ty phần lớn là tài sản ngắn hạn, chiếm hơn 82% tổng tài sản năm 2019, còn lại là tài sản dài hạn. Tại thời điểm 31/12/2019, tài sản ngắn hạn là 141,92 tỷ đồng, giảm hơn 9 tỷ đồng chủ yếu do phải thu khách hàng giảm, Công ty thu được tiền từ khách hàng với đơn hàng trả sau của Khách hàng Itochu Prominent USA LLC. Về cơ cấu tài sản ngắn hạn của các doanh nghiệp doanh nghiệp May mặc nói chung và Công ty nói riêng thì hàng tồn kho và các khoản phải thu của khách hàng là 2 khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, cụ thể năm 2019, hàng tồn kho là 77,5 tỷ đồng (chiếm 54,6% tài sản ngắn hạn) và phải thu khách hàng là 42,3 tỷ đồng (chiếm 29,8% tài sản ngắn hạn).

Tài sản dài hạn phần lớn là các tài sản cố định dành cho sản xuất, bao gồm máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất,... Tại thời điểm 31/12/2019, tài sản cố định đạt 29,5 tỷ đồng (tăng gần 4 tỷ đồng so với đầu năm) do trong năm Công ty đã đầu tư mua thêm máy móc thiết bị và hạ tầng với tổng giá trị gần 10 tỷ đồng, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.





Đánh giá chung về công tác quản lý Công ty

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty đã làm tốt công tác quản lý nói chung, công tác quản lý tài chính nói riêng. Vốn và tài sản của Công ty được bảo toàn, hoạt động mang lại hiệu quả cao. Hệ thống quản lý nói chung trong toàn Công ty đã được quản lý trên mạng, trong đó hệ thống kế toán luôn được cập nhật thông tin chế độ mới do đó luôn đáp ứng được yêu cầu trong quản trị tài chính và giúp cho cơ quan tài chính thực hiện nghiêm các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước.

Quản lý vốn và tài sản được theo dõi chặt chẽ, chi tiết theo từng loại nguồn vốn, loại tài sản. Vốn và tài sản của Công ty được bảo toàn, hoạt động quản lý vốn và sử dụng tài sản mang lại hiệu quả thiết thực, không để xảy ra hiện tượng tổn thất, mất mát về tài sản, vật tư và hàng hóa. Xử lý nhanh những tài sản cố định không sử dụng, hư hỏng nhằm thu hồi vốn nhanh, bổ sung thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



Nguồn nguyên phụ liệu ngành may mặc trong nước chưa thể đáp ứng đủ để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất tiếp cận, tìm mua nhanh và dễ dàng, nhưng Công ty đã luôn đảm bảo nguyên phụ liệu nhập về kho đảm bảo đủ gối đầu cho sản xuất hàng tháng không bị gián đoạn. Quản lý chặt chẽ việc mua, bán, nhập, xuất vật tư, phụ tùng, công cụ dụng cụ, hàng hóa theo đúng quy trình quản lý của Công ty. Kiểm soát chặt chẽ giá cả đầu vào của toàn bộ vật tư, phụ tùng, công cụ dụng cụ, hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Kho được cải tạo nâng cấp giúp cho công tác quản lý hàng tồn kho được tốt hơn. Tồn kho 9 tháng đầu năm cao hơn quy định có nguyên nhân chủ yếu là do lượng hàng đi gia công cao, vì vậy công ty phải kéo dài thời gian tồn kho để chủ động điều phối hàng, thời gian đồng bộ nguyên phụ liệu.



Công ty tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Điều lệ Tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính của đơn vị và các văn bản quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng; thực hiện đảm bảo các quy định về quản lý tiền, tài sản, vật tư hàng hóa và chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn tại doanh nghiệp.

Kế hoạch phát triển tương lai

Dựa vào những thuận lợi và khó khăn năm 2019, Ban Giám đốc đưa ra kế hoạch năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	KH 2020	KH 2020/TH 2019
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	461,85	460,00	99,56%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,72	9,68	99,59%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	20,00	20,00	100%

Khách hàng và thị trường

Quyết tâm giữ các khách hàng xuất khẩu và nội địa truyền thống hiện có, xem xét lựa chọn các khách hàng có hiệu quả, sản phẩm sơ mi cao cấp phù hợp với công nghệ máy móc thiết bị đã đầu tư.

Tập trung tổ chức sản xuất sản phẩm chủ yếu xuất đi thị trường Mỹ, thị trường EU.

Thường xuyên làm việc với khách hàng để xác nhận từng đơn hàng cụ thể của từng tháng, từng quý.

Chủ động cập nhật đơn hàng từ khách hàng trước 2 - 3 tháng.

Công tác sản xuất, kinh doanh, đầu tư

Tập trung giữ ổn định sản xuất và quy mô như năm 2019.

Tìm các giải pháp giữ chân người lao động để ổn định sản xuất 10 chuyền may lắp ráp và 2 chuyền may chi tiết.

Khắc thác sử dụng có hiệu quả tối đa đất hiện có để tăng doanh thu và tăng hiệu quả SXKD.

Phát huy hiệu quả đầu tư năm 2019, dự kiến cân đối đầu tư tiếp một số máy móc thiết bị chuyên dùng hiện đại để tăng năng suất lao động, bù đắp thiếu hụt lao động.

Xác định sản phẩm chủ lực là áo sơ mi nam cao cấp, tổ chức sản phẩm sản xuất ra đảm bảo tiến độ và đảm bảo chất lượng giao cho khách hàng.

Tập trung duy trì công tác quản lý và công tác tổ chức sản xuất trong phân xưởng có nề nếp và có hiệu quả.

Duy trì, hợp tác tốt với các đơn vị bên ngoài đủ năng lực và có máy móc thiết bị phù hợp để tổ chức sản xuất gia công nhằm tăng doanh thu, tăng hiệu quả SXKD.

Công tác kỹ thuật và chất lượng sản phẩm

Phòng kỹ thuật và Phòng Lean thường xuyên nghiên cứu thật kỹ yêu cầu của sản phẩm, chất liệu, chuẩn bị kỹ các tài liệu, văn bản,... làm tốt công tác chuẩn bị để khi đưa ra sản xuất không ảnh hưởng hoạt động của phân xưởng may.

Phối hợp với khách hàng để tư vấn thiết kế sản phẩm phù hợp với máy móc thiết bị và tay nghề của công nhân. Hạn chế sản xuất các sản phẩm trái công nghệ có yêu cầu quá phức tạp.

Bố trí sắp xếp nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) inline phù hợp với lao động trực tiếp hiện có. Duy trì và thực hiện nghiêm qui trình kiểm tra chất lượng sản phẩm ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất. Tiếp tục đầu tư bổ sung, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị điện tử để có sản phẩm chất lượng cao.



Công tác an ninh an toàn

Lập phương án và thực hiện tốt công tác bảo vệ, tuần tra đảm bảo đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

Đảm bảo công tác hành chính hậu cần: Quân y, an toàn thực phẩm, công tác văn thư lưu trữ; tuyệt đối không được chủ quan để xảy ra mất an toàn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sản xuất của Công ty. Thường xuyên kiểm tra công tác PCCC, phối hợp với lực lượng Công an PCCC tổ chức diễn tập PCCC, cứu hộ cứu nạn theo quy định.

Thực hiện, duy trì hệ thống quản lý, trách nhiệm xã hội toàn cầu về sản xuất hàng may mặc theo TC Wrap để phục vụ tốt cho công tác quản lý của Công ty.

Công tác tuyển dụng, đào tạo; tiền lương và nâng lương nâng bậc

Tập trung tìm nhiều giải pháp và biện pháp để tuyển lao động bù đắp số lao động thiếu; đổi mới và cải tiến các chính sách để giữ chân người lao động năm 2020.

Tổ chức xây dựng phương án tiền lương, tiền thưởng và tổ chức triển khai phổ biến rộng rãi đến CBNV-NLĐ trong Công ty hiểu và thực hiện trong tháng 01/2020.

Lập kế hoạch và tổ chức triển khai các biện pháp tuyển dụng, đảm bảo lao động để bổ sung lao động vắng hàng ngày của các Chuyền.

Tổ chức lập kế hoạch đào tạo kèm cập thường xuyên hàng tháng, đối với một số lao động yếu, lao động mới;

Tổ chức thi nâng bậc, nâng lương theo đúng quy định hàng năm.

Báo cáo trách nhiệm liên quan đến người lao động, môi trường và xã hội

Đánh giá công tác tiền lương, BHXH, chế độ, chính sách, xã hội, cộng đồng

Xây dựng hoàn chỉnh phương án tiền lương, tiền thưởng năm 2019 và đã tổ chức họp với toàn thể CNLĐ để triển khai thực hiện, tổ chức thanh toán các chế độ chính sách đảm bảo tính công bằng và khách quan.



Công tác xây dựng phương án lương, chính sách tiền lương luôn phù hợp chính sách pháp luật

- Tình hình thực hiện chi trả cho người lao động luôn tuân thủ theo quy chế, phương án đã ban hành;
- Thực tế nguồn quỹ lương luôn đảm bảo chi trả cho người lao động đảm bảo thu nhập cho người lao động theo lương tối thiểu vùng và đặc thù vùng miền;
- Các hạn chế về chính sách tiền lương của đơn vị (chưa đủ khả năng, nguồn của đơn vị để đảm bảo);
- Việc phân phối tiền lương, thu nhập luôn đảm bảo hài hòa giữa các bộ phận, vị trí trong đơn vị;
- Công tác thanh toán các chế độ cho người lao động;
- Không nợ lương người lao động;
- Hồ sơ, chứng thanh toán lương luôn rõ ràng, công khai minh bạch, đảm bảo theo yêu cầu quản lý, đánh giá nhà máy;

Công ty đã bảo đảm hậu cần, tài chính, tiếp tục cải thiện bữa ăn theo ca cho người lao động để đảm bảo sức khỏe sản xuất. Triệt để duy trì vệ sinh thực phẩm ăn uống... chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện tốt công tác phòng dịch bệnh, tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

Công ty đã xây dựng và thực hiện tốt các nội dung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Đặc biệt chú trọng Công tác xây dựng Đảng để thực sự nâng cao chất lượng lãnh đạo của toàn Đảng bộ, lấy đây là khâu quyết định trong công tác lãnh đạo để Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và các chỉ tiêu SXKD năm 2019, làm tốt công tác phát triển đảng viên mới và công tác kiểm tra, giám sát Đảng, xây dựng Đảng. Năm bắt và chủ động tiến hành các công tác tư tưởng, thực hiện sáng tạo, phù hợp các nội dung tuyên truyền giáo dục. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp, kiện toàn cho đội ngũ cán bộ.



Đánh giá công tác an toàn lao động

Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm rủi ro toàn bộ tài sản; Tập huấn huấn luyện công tác phòng chống cháy nổ định kỳ theo Luật PCCC;

Kiểm soát các hoạt động ứng phó với các trường hợp khẩn cấp theo tài liệu số 6.1AD-QP02-28HP; Quản lý rủi ro theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Công ty tiến hành đánh giá mối nguy hiểm, rủi ro tại từng vị trí công việc cụ thể. Từ đó có các biện pháp tương ứng, cung cấp bảo hộ lao động để giảm thiểu rủi ro, phòng tránh tai nạn lao động và giảm nguy cơ bệnh nghề nghiệp.

Các bộ phận nguy hiểm của máy móc thiết bị đều có trang thiết bị bao che phù hợp.

Kiểm tra định kỳ hàng tháng các vấn đề liên quan đến an toàn lao động để phát hiện và khắc phục kịp thời.



Tổ chức cho người lao động tham gia các khóa huấn luyện về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động theo đúng yêu cầu của pháp luật. Đào tạo nội bộ cho công nhân tân tuyển và đào tạo lại định kỳ hàng năm để nâng cao nhận thức của công nhân về an toàn lao động, các tiêu chuẩn và nội quy Công ty.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho cán bộ, công nhân viên, khám phụ khoa cho nữ công nhân viên nhằm theo dõi sức khỏe của người lao động, phát hiện và điều trị bệnh kịp thời.



Trách nhiệm vì cộng đồng

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: Phát triển kinh doanh tại địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn.

Thực hiện hiệu quả công tác xã hội như: Bàn giao nhà tình nghĩa cho công nhân Chu Thị Hiền, công nhân Dương Thị Tuyền.

Thăm hỏi, trợ cấp công nhân viên lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

Vận động người lao động tham gia hiến máu nhân đạo;

Công tác chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con cán bộ công nhân, viên chức lao động Công ty, đóng góp ủng hộ nhân đạo địa phương, ủng hộ Biên giới hải đảo, thăm hỏi hưởng ứng Ngày vì môi trường.

Về môi trường và xã hội

- Chú trọng công tác đầu tư, dây chuyền sản xuất, đảm bảo an toàn đối với người lao động, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường, cũng như đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Hệ thống xử lý chất thải cũng được Công ty quan tâm xem xét, đảm bảo xử lý tốt nhất thải trong quá trình sản xuất trước khi thải ra môi trường, trong đó các loại chất thải được phân loại kỹ trước khi tiến hành xử lý, đưa ra môi trường.

Trong năm Công ty không có trường hợp bị xử phạt về vi phạm Pháp luật và môi trường.

Các dự án đều thực hiện nộp phí môi trường theo đúng quy định.



PHẦN IV

Báo cáo của Hội đồng quản trị

01

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

02

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

03

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2019 do tình hình khó khăn về nguồn lao động, để kịp thời giao hàng cho khách đúng thời gian hợp đồng, nên công ty đã tổ chức làm thêm nhiều ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của công ty, do vậy công ty đã xin điều chỉnh kế hoạch giảm lợi nhuận năm 2019 đã được HĐQT nhất trí biểu quyết đồng ý thực hiện theo KH xin điều chỉnh của Công ty.

Năm 2019, doanh thu đã đạt chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh nhưng lợi nhuận đạt theo kế hoạch điều chỉnh của Công ty cho thấy sự nỗ lực lớn từ Ban điều hành đã cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và Nghị quyết của HĐQT. Hội đồng Quản trị đã luôn đi sát hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra nghị quyết giúp ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2019, chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực giám sát việc Ban điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh căn cứ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đồng thời xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty và giữ vai trò đảm bảo hài hòa các mối quan hệ đối ngoại đặc biệt đối với các tổ chức, hiệp hội cùng ngành nghề và các cơ quan nhà nước hữu quan. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện được theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty. Tại các phiên họp thường kỳ, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo đầy đủ về mọi mặt hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc có đã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	KH 2020	KH 2020/ TH 2019
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	461,85	460,00	99,56%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,72	9,68	99,59%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	20,00	20,00	100%

Công tác sản xuất

Tổ chức lập kế hoạch sản xuất, khách hàng giao hàng phù hợp với tình hình thực tế sản xuất, bố trí hàng sản xuất theo lợi thế và chuyên sâu của từng chuyên để đảm bảo năng suất cao nhất.

Hàng ngày, hàng tuần thường xuyên rà soát và kiểm soát thật kỹ về công tác chuẩn bị sản xuất, trọng tâm là của phòng kế hoạch tổng hợp, phòng kỹ thuật, phòng Lean. Tổ chức thực hiện đặt nguyên phụ liệu và kiểm soát chặt chẽ số lượng, tiến độ, đảm bảo nguyên phụ liệu đồng bộ trước ngày cắt. Kiểm soát chi tiết tình hình đồng bộ nguyên phụ liệu trước khi ban hành lượng sản xuất.

Công tác quản lý

Rà soát, phân tích công việc ở các bộ phận, đơn vị điều chỉnh định biên lao động khối gián tiếp theo hướng tinh giảm, hiệu quả phù hợp với điều kiện lao động trực tiếp giảm, tránh mất cân đối và có biện pháp kiên quyết, vừa có chính sách động viên khuyến khích đơn vị bộ phận gián tiếp giảm được lao động.

Ban Tổng Giám đốc, chỉ huy các Phòng thường xuyên kiểm tra, duy trì và thực hiện nghiêm túc các qui chế, qui định và các nhiệm vụ hàng ngày trong Công ty. Công việc phát sinh đến đâu giải quyết và tổng hợp làm dứt điểm đến đó.

Quản lý chặt chẽ nguyên phụ liệu từ khâu định mức, đặt hàng, quản lý nguyên phụ trong quá trình cắt, trong gia công, ... tránh đặt thừa, đặt thiếu, ... dẫn đến tồn kho, gây lãng phí, thất thoát.

Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, duy trì mức dự trữ cho phép, tránh để hàng tồn lâu ngày mất phẩm chất, vốn tồn đọng. Thường xuyên tổ chức thanh lý máy móc thiết bị, hàng tồn kho không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn, tăng hiệu quả cho công ty 1 quý/lần.

Thường xuyên theo dõi, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, tổ chức đối chiếu, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ quá hạn, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền phục vụ tốt công tác quản lý, SXKD và đảm bảo kinh phí SXKD.

Tập trung mọi nguồn lực để tổ chức sản xuất sản phẩm đúng tiến độ và đạt chất lượng, phấn đấu hoàn thành dứt điểm kế hoạch của từng tháng. Quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đề ra.

Thường xuyên theo dõi công tác điều độ sản xuất, kiểm soát chặt chẽ năng suất từng ngày, từng tuần, từng tháng và quản lý chặt chẽ số lượng sản phẩm sản xuất từ khâu cắt, may, đóng gói sản phẩm để đảm bảo đủ số lượng giao cho khách hàng.

Chỉ huy các đơn vị, tập trung là chỉ huy phòng kỹ thuật, phòng Lean phải thường xuyên có mặt để giải quyết kịp thời các phát sinh liên quan đến sản xuất. Đặc biệt, là về tình trạng chất lượng nguyên phụ liệu, yêu cầu công tác kỹ thuật sản phẩm.

Thường xuyên làm tốt công tác sản xuất tinh gọn, quyết tâm loại bỏ và ngăn chặn các hao phí lãng phí để góp phần tăng năng suất lao động.



VIỆT NAM QUANG VINH MUỘN

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

HỘI NGHỊ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2019



PHẦN V Quản trị Công ty

01

Hoạt động của Hội đồng quản trị

02

Hoạt động của Ban kiểm soát

03

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
01	Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch HĐQT
02	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT
03	Ông Lê Đức Khiêm	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Bùi Văn Bắc - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1997 - 2001 Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty 28

2001 - 2011 Phó giám đốc, Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty 28

2011 - 2018 Giám đốc, Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

2018 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28, kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Số lượng cổ phần đại diện 586.520 cổ phần – tương ứng 29,33% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đang sở hữu 0 cổ phần

Ông Lê Đức Khiêm - Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 1949

Trình độ chuyên môn Tiến sỹ - công nghệ sợi dệt và hóa nhuộm

Quá trình công tác

1966 - 1971 Sinh viên Đại học bách khoa Hà Nội

1971 - 04/1972 Giảng viên Đại học bách khoa Hà Nội

05/1972 - 1983 Nhập ngũ (nghĩa vụ quân sự)

1984 - 1988 Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc (Cộng Hòa Séc)

1989 - 06/1991: Cán bộ thuộc Tổng cục Hậu cần

07/1991 - 02/1993: Đoàn phó Đoàn kho vận 690, Tổng cục Hậu cần

03/1993 - 05/1995: Đoàn trưởng Đoàn kho vận 690, Tổng cục Hậu cần

06/1995 - 06/1997: Cục phó Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần

07/1997 - 11/1997: Phụ trách Cục trưởng Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần

11/1997 - 11/2000: Cục trưởng Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần

12/2000 - 11/2009: Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần

04/2014 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 28 Hưng Phú

Số lượng cổ phần đại diện 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang sở hữu 100.000 cổ phần – tương ứng 5% vốn điều lệ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong khoản thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2019, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Ghi chú
01	Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch HĐQT	9/9	-
02	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	9/9	-
03	Ông Lê Đức Khiêm	Thành viên HĐQT	4/9	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019

Ban kiểm soát

Cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Mỹ	Trưởng BKS
2	Ông Lê Văn Võ Thành	Kiểm soát viên
3	Ông Nguyễn Văn Kiên	Kiểm soát viên

Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Mỹ - Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1964
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng - Công ty TNHH Một Thành viên Tổng công ty 28
Quá trình công tác	
1987-1991:	Nhân viên kế toán XN May Hòa Bình
1991-1995:	P.Phòng TCKT Công ty May Độc Lập
1995-1996:	P.Phòng TCKT Công ty May in Hữu Nghị
1997- 6/1998:	Trưởng P.Kế toán Công ty Xi măng Chinfon HP
7/1998 - 9/2001:	NV kế toán Công ty may 28
10/2001 - 6/2014:	Phó trưởng phòng TCKT Tổng công ty 28
7/2014 - nay:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28
Số lượng cổ phần đang sở hữu:	0 cổ phần

Ông Lê Văn Võ Thành - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1979
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Trưởng phòng Tài chính Hành chính
Quá trình công tác	
12/2001 – 12/2006	Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 – Tổng Công ty 28
01/2007 – 08/2008:	Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú
09/2008 – 12/2010:	Nhân viên kế toán Phòng TCKT – Tổng Công ty 28
01/2011 - nay:	Trưởng phòng tài chính Hành chính Xí nghiệp may đo Quân đội - Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28
Số lượng cổ phần đang sở hữu:	7.900 tương ứng 0,40% vốn điều lệ
7/2014 - nay:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28
Số lượng cổ phần đang sở hữu:	7.900 cổ phần tương ứng 0,40% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Kiên - Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty CP 28.1
Quá trình công tác	
01/1997 - 11/1998	Nhân viên kế toán, Xí nghiệp May đo Quân đội, thuộc Công ty 28
12/1998 - 09/2016	Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV 28.1
10/2016 - nay	Nhân viên Kế toán tổng hợp Công ty CP 28.1
Số lượng cổ phần đang sở hữu:	0 cổ phần

Các cuộc họp trong năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự
01	Bà Trần Thị Mỹ	Trưởng Ban Kiểm soát	4/4
02	Ông Lê Văn Võ Thành	Kiểm soát viên	4/4
03	Ông Nguyễn Văn Kiên	Kiểm soát viên	4/4

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019, cụ thể:

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính kịp thời, hợp lý của các số liệu tài chính.

Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán. Thống nhất với các đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của đơn vị kiểm toán độc lập.

Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ tài chính khác.

Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông năm 2019 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.

Các kết quả thẩm định báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam..

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT đều phù hợp với Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty trên tinh thần mang lại lợi ích tối đa cho Công ty, các cổ đông và người lao động. Báo cáo của Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ và chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019. Các quyết định trong điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc đều phù hợp và tuân thủ pháp luật, điều lệ của Công ty cũng như các Nghị quyết của HĐQT.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đã được HĐQT biểu quyết thông qua. Trong năm qua BKS đã nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông trong Công ty đã tạo điều kiện và cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS. Tại hầu hết các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chủ trì, BKS đều được mời tham dự và tham gia góp ý kiến về công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng
I. Hội đồng quản trị					
1	Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch HĐQT	18.400.000	-	-
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	19.200.000	-	-
3	Ông Lê Đức Khiêm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	425.418.996	-
II. Ban kiểm soát					
1	Bà Trần Thị Mỹ	Trưởng BKS	12.000.000	-	-
2	Ông Lê Văn Võ Thành	Thành viên BKS	6.800.000	-	-
3	Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên BKS	6.800.000	-	-
III. Ban điều hành					
2	Vũ Sỹ Nam	Phó Tổng Giám đốc	-	338.099.136	-
3	Ông Tăng Hùng	Kế toán trưởng	-	230.709.185	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.



PHẦN VI: Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 09 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố. Hồ Chí Minh.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1071/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2017, với mã chứng khoán là HPU và ngày 08/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch	
Ông Trần Kim Quỳnh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/10/2019
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Ông Lê Đức Khiêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/10/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Đức Khiêm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Trần Kim Quỳnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/09/2019
Ông Hoàng Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/08/2019
Ông Vũ Sỹ Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Mỹ	Trưởng ban
Ông Lê Văn Võ Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được lập ngày 03 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2022-2018-002-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		141.917.476.794	151.177.355.819
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.276.826.880	17.045.930.713
111	1. Tiền		10.776.826.880	12.545.930.713
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.500.000.000	4.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.297.678.278	51.526.123.873
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	39.390.030.440	49.108.869.024
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.422.066.878	1.805.347.246
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	485.580.960	611.906.803
140	IV. Hàng tồn kho	7	77.481.854.688	80.101.017.904
141	1. Hàng tồn kho		77.481.854.688	80.101.017.904
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.861.116.948	2.504.284.129
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	140.332.180	1.966.654.501
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.720.784.768	537.629.628
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.704.224.957	26.684.035.429
220	II. Tài sản cố định		29.502.926.995	25.557.368.388
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	29.226.239.496	25.482.368.371
222	- Nguyên giá		90.900.554.616	78.537.412.787
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.674.315.120)	(53.055.044.416)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	276.687.499	75.000.017
228	- Nguyên giá		791.250.000	500.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(514.562.501)	(424.999.983)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	-	1.126.667.041
231	- Nguyên giá		-	3.932.273.773
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(2.805.606.732)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		71.760.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		71.760.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.129.537.962	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.129.537.962	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		172.621.701.751	177.861.391.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		136.264.105.206	142.160.684.096
310	I. Nợ ngắn hạn		136.264.105.206	142.160.684.096
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	39.000.822.863	35.206.666.291
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.096.912.482	3.897.339.988
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	314.080.673	516.228.597
314	4. Phải trả người lao động		16.011.627.868	18.900.574.312
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	46.568.123	146.478.149
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		45.454.546	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.374.176.037	7.886.202.794
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	64.265.912.719	69.407.085.069
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.108.549.895	6.200.108.896
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		36.357.596.545	35.700.707.152
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	36.357.596.545	35.700.707.152
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.193.011.872	10.901.268.253
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.164.584.673	4.799.438.899
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		399.438.899	134.540.368
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.765.145.774	4.664.898.531
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		172.621.701.751	177.861.391.248

Nguyễn Thanh Định
Người lập

Tăng Hùng
Kế toán trưởng

Lê Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	463.370.696.921	450.522.721.837
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.524.564.400	74.129.803
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		461.846.132.521	450.448.592.034
11	4. Giá vốn hàng bán	22	424.409.328.151	407.905.938.897
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.436.804.370	42.542.653.137
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.995.591.483	1.352.050.892
22	7. Chi phí tài chính	24	2.278.887.361	2.439.582.450
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.114.652.106	1.688.408.077
25	8. Chi phí bán hàng	25	3.900.205.263	4.383.713.663
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.013.765.105	25.343.413.227
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.239.538.124	11.727.994.689
31	11. Thu nhập khác	27	1.372.878.993	174.202.637
32	12. Chi phí khác		-	7.364.145
40	13. Lợi nhuận khác		1.372.878.993	166.838.492
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.612.417.117	11.894.833.181
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.887.629.823	1.969.517.156
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.724.787.294	9.925.316.025
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.528	2.481

Nguyễn Thanh Định
Người lập

Tăng Hùng
Kế toán trưởng

Lê Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.612.417.117	11.894.833.181
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.995.015.034	6.464.333.678
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(578.463.644)	(492.741.717)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(440.088.118)	(653.638.661)
06	- Chi phí lãi vay		2.114.652.106	1.688.408.077
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.703.532.495	18.901.194.558
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.046.652.853	(19.211.844.390)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.619.163.216	674.717.270
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.436.504.386	3.860.569.794
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		696.784.359	(430.648.361)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.131.572.489)	(1.671.487.694)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.087.805.789)	(1.850.603.641)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.759.456.902)	(3.224.593.874)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.523.802.129	(2.952.696.338)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.497.747.075)	(7.811.609.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		110.000.000	123.636.363
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		311.382.372	557.633.044
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.076.364.703)	(7.130.339.684)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		128.923.936.571	144.595.178.821
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(134.065.108.921)	(131.318.603.909)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.421.372.500)	(4.983.755.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.562.544.850)	8.292.819.912
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.884.892.576	(1.790.216.110)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.045.930.713	18.677.275.380
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		346.003.591	158.871.443
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	20.276.826.880	17.045.930.713






Nguyễn Thanh Định Tăng Hùng Lê Đức Khiêm
 Người lập Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 09 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 20.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 20.000.000.000 đồng; tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 1071/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2017, với mã chứng khoán là HPU và ngày 08/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên thị trường Upcom.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm may mặc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc;
- Sản xuất, mua bán các loại nguyên phụ liệu, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị ngành may mặc;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn..

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15	năm
--------------------------	----	-----

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê nhà xưởng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	360.342.600	304.943.474
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.416.484.280	12.240.987.239
Các khoản tương đương tiền (*)	9.500.000.000	4.500.000.000
	20.276.826.880	17.045.930.713

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 9.500.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với lãi suất 4,6%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Itochu Prominent USA LLC	23.546.728.552	-	31.599.342.328	-
Công ty Cổ phần Thời trang KOWIL Việt Nam	5.469.468.319	-	4.015.375.174	-
Công ty TNHH Prominent (Việt Nam)	3.737.960.410	-	7.829.008.085	-
Prominent (Europe - UK) Limited	1.325.478.629	-	478.744.083	-
Apparel Group PTY Ltd	3.714.363.266	-	2.432.413.327	-
London Paris Ltd	1.434.284.464	-	2.518.167.178	-
Phải thu khách hàng khác	161.746.800	-	235.818.849	-
	39.390.030.440	-	49.108.869.024	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	-	-	17.550.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ayou Group Limited	1.791.119.466	-	-	-
Tan Tekstil Sanayi Ve Ticaret A.s.	176.611.595	-	-	-
James Fabric Import And Export Co., Ltd	226.120.232	-	257.268.661	-
Shiva's Enterprise Co.,Ltd	-	-	340.612.828	-
Yoonia Tex Co.,Ltd	-	-	393.778.125	-
Các đối tượng khác	228.215.585	-	813.687.632	-
	2.422.066.878	-	1.805.347.246	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	32.719.445	-	14.013.699	-
Phải thu tiền lương tết dương lịch	345.600.000	-	367.700.000	-
Phải thu về BHXH	-	-	3.762.309	-
Tạm ứng	21.905.800	-	2.316.517	-
Ký cược, ký quỹ	58.467.281	-	191.649.548	-
Phải thu khác	26.888.434	-	32.464.730	-
	485.580.960	-	611.906.803	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	298.936.864	-	-	-
Nguyên vật liệu	36.007.476.120	-	42.909.656.039	-
Công cụ, dụng cụ	132.550.428	-	267.416.074	-
Chi phí SXKD dở dang	2.499.585.182	-	4.906.736.107	-
Thành phẩm	35.098.358.867	-	31.924.495.846	-
Hàng gửi đi bán	3.444.947.227	-	92.713.838	-
	77.481.854.688	-	80.101.017.904	-

Trong đó:

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 71.105.834.987 đồng.

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.434.856.552	58.510.089.411	2.719.974.801	1.626.389.682	3.246.102.341	78.537.412.787
- Mua trong năm	-	6.648.520.000	347.000.000	-	-	6.995.520.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.527.136.600	-	-	-	-	2.527.136.600
- Chuyển từ bất động sản đầu tư	3.932.273.773	-	-	-	-	3.932.273.773
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.091.788.544)	-	-	-	(1.091.788.544)
Số dư cuối năm	18.894.266.925	64.066.820.867	3.066.974.801	1.626.389.682	3.246.102.341	90.900.554.616
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.239.062.066	38.925.692.567	1.040.093.428	1.488.056.394	1.362.139.961	53.055.044.416
- Khấu hao trong năm	568.781.905	5.355.597.643	312.314.016	70.959.780	391.243.548	6.698.896.892
- Chuyển từ bất động sản đầu tư	3.012.162.356	-	-	-	-	3.012.162.356
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.091.788.544)	-	-	-	(1.091.788.544)
Số dư cuối năm	13.820.006.327	43.189.501.666	1.352.407.444	1.559.016.174	1.753.383.509	61.674.315.120
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	2.195.794.486	19.584.396.844	1.679.881.373	138.333.288	1.883.962.380	25.482.368.371
Tại ngày cuối năm	5.074.260.598	20.877.319.201	1.714.567.357	67.373.508	1.492.718.832	29.226.239.496

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.701.757.299 đồng.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	500.000.000	500.000.000
- Mua trong năm	291.250.000	291.250.000
Số dư cuối năm	791.250.000	791.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	424.999.983	424.999.983
- Khấu hao trong năm	89.562.518	89.562.518
Số dư cuối năm	514.562.501	514.562.501
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	75.000.017	75.000.017
Tại ngày cuối năm	276.687.499	276.687.499

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ
Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà kho VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.932.273.773	3.932.273.773
- Chuyển lại tài sản cố định	(3.932.273.773)	(3.932.273.773)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.805.606.732	2.805.606.732
- Khấu hao trong năm	206.555.624	206.555.624
- Chuyển lại tài sản cố định	(3.012.162.356)	(3.012.162.356)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.126.667.041	1.126.667.041
Tại ngày cuối năm	-	-

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	87.666.666	953.937.274
Chi phí sửa chữa nền và chiếu sáng kho	-	595.144.268
Chi phí sửa chữa đường nội bộ	-	417.572.959
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	52.665.514	-
	140.332.180	1.966.654.501
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	819.439.021	-
Khung rọ chứa nguyên liệu	258.118.941	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	51.980.000	-
	1.129.537.962	-

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH nguyên phụ liệu An Thịnh	936.483.216	936.483.216	1.319.143.210	1.319.143.210
- ArvenCo GmbH	307.203.644	307.203.644	1.612.869.995	1.612.869.995
- Lu Feng Company Limited	920.209.628	920.209.628	1.119.006.829	1.119.006.829
- Lu Thai Textile Company Ltd	4.619.667.275	4.619.667.275	713.314.391	713.314.391
- Prominent Europe Limited	193.212.269	193.212.269	2.671.081.580	2.671.081.580
- Công ty Cổ phần Kết nối Thời trang	3.303.695.844	3.303.695.844	1.403.640.163	1.403.640.163
- Công ty TNHH Coats Phong Phú	829.935.185	829.935.185	955.718.760	955.718.760
- Freudenberg & Vile International Ltd	2.016.413.228	2.016.413.228	908.583.666	908.583.666
- Advance Factory Limited	8.954.849.393	8.954.849.393	6.026.335.219	6.026.335.219
- London Paris Ltd	3.368.300.113	3.368.300.113	4.181.521.964	4.181.521.964
- Công ty TNHH LuThai (Việt Nam)	2.856.432.854	2.856.432.854	2.862.740.450	2.862.740.450
- Phải trả các đối tượng khác	10.694.420.214	10.694.420.214	11.432.710.064	11.432.710.064
	39.000.822.863	39.000.822.863	35.206.666.291	35.206.666.291

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Advance Factory Limited	4.436.259.712	-
- Jermyn Street Guild PTY LTD	736.235.198	179.365.575
- Công ty Cổ phần Đầu tư K và G Việt Nam	664.585.650	3.630.910.162
- Các đối tượng khác	259.831.922	87.064.251
	6.096.912.482	3.897.339.988

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.905.208.305	1.905.208.305	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	51.021.747	51.021.747	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	483.543.525	1.887.629.823	2.087.805.789	-	283.367.559
Thuế Thu nhập cá nhân	-	32.685.072	438.267.703	440.239.661	-	30.713.114
Các loại thuế khác	-	-	11.564.248	11.564.248	-	-
	-	516.228.597	4.293.691.826	4.495.839.750	-	314.080.673

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Chi phí lãi vay	-	16.920.383
- Trích trước tiền điện	46.568.123	129.557.766
	46.568.123	146.478.149

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	737.822.241	1.010.641.975
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.307.220.805	4.074.949.071
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	32.769.500	54.142.000
- Phải trả tiền thuê đất Cục tài chính Bộ Quốc Phòng	-	310.690.517
- Phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 các khoản chi hộ và phải trả khác	121.463.885	1.410.415.144
- Phải trả tiền bảo hành công trình	446.459.325	350.410.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	728.440.281	674.953.587
	7.374.176.037	7.886.202.794
b) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	121.463.885	1.410.415.144

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	69.407.085.069	69.407.085.069	128.923.936.571	134.065.108.921	64.265.912.719	64.265.912.719
	69.407.085.069	69.407.085.069	128.923.936.571	134.065.108.921	64.265.912.719	64.265.912.719

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 8261.19.201.150497.TD ngày 25/03/2019, tại ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 85.000.000.000 VND;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

+ Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 25 tháng 3 năm 2019 đến ngày 20 tháng 03 năm 2020

+ Lãi suất cho vay: 3,5%/năm;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.129.252.987 VND và 2.674.268,84 USD tương đương 62.136.659.732 VND;

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp bằng hàng tồn kho nguyên phụ liệu vải, thành phẩm vải và quyền thụ hưởng từ L/C xuất khẩu.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	10.603.508.772	228.767.850	30.832.276.622
Lãi trong năm trước	-	-	9.925.316.025	9.925.316.025
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	297.759.481	(297.759.481)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.267.885.891)	(4.267.885.891)
Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	-	-	(694.772.122)	(694.772.122)
Điều chỉnh giảm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	94.227.482	94.227.482
Trích bổ sung quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2017	-	-	(188.454.964)	(188.454.964)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	10.901.268.253	4.799.438.899	35.700.707.152
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	10.901.268.253	4.799.438.899	35.700.707.152
Lãi trong năm nay	-	-	9.724.787.294	9.724.787.294
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	291.743.619	(291.743.619)	-
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(4.181.658.536)	(4.181.658.536)
Tạm trích quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành (**)	-	-	(486.239.365)	(486.239.365)
Trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 (*)	-	-	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	11.193.011.872	5.164.584.673	36.357.596.545

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 18 tháng 04 năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100%	9.925.316.025
Trích Quỹ đầu tư phát triển (1)	3%	297.759.481
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	43%	4.267.885.891
Trích Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành (1)	7%	694.772.122
Chi cổ tức	44%	4.400.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	3%	264.898.531

(1) Đã tạm trích trong năm 2018

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2019 theo kế hoạch đã được Đại hội Cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 18 tháng 04 năm 2019:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100%	9.724.787.294
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,00%	291.743.619
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	43,00%	4.181.658.536
Trích Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	5,00%	486.239.365
Lợi nhuận chưa phân phối	49,00%	4.765.145.774

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	53,32%	10.664.000.000	53,32%	10.664.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	5,78%	1.156.000.000	5,78%	1.156.000.000
Nguyễn Văn Dũng	5,00%	1.000.000.000	5,00%	1.000.000.000
Các cổ đông khác	35,90%	7.180.000.000	35,90%	7.180.000.000
	100%	20.000.000.000	100%	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	54.142.000	5.037.897.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	4.400.000.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.400.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(4.421.372.500)	(4.983.755.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(4.421.372.500)	(4.983.755.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	32.769.500	54.142.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.193.011.872	10.901.268.253
	11.193.011.872	10.901.268.253

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.196.315.000	2.196.315.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	12.110.750.000	12.110.750.000
- Trên 5 năm	3.408.750.000	3.408.750.000
	17.715.815.000	17.715.815.000

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất quốc phòng số 2104/HĐ-BQP ngày 12/07/2012 tại 168 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm trụ sở công ty, nhà xưởng sản xuất, kinh doanh từ năm 2012 đến năm 2061. Diện tích khu đất thuê là 16.856 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản nhận giữ hộ, gia công

	Đơn vị tính	31/12/2019	01/01/2019
Vải	Mét	76.696,33	91.066,03
Keo	Mét	5.162,90	5.420
Nguyên phụ liệu khác	Cái	116.528	95.181

d) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	268.518,41	182.896,40

e) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Gestion Make Inc.	407.211.417	407.211.417

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	433.101.561.168	407.296.393.221
Doanh thu bán nguyên vật liệu	577.283.352	850.576.083
Doanh thu cung cấp dịch vụ	308.341.047	578.129.530
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.169.750.000	3.119.000.000
Doanh thu gia công	26.213.761.354	38.678.623.003

463.370.696.921 **450.522.721.837**

Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

9.272.727 **185.914.921**

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.524.564.400	74.129.803

1.524.564.400 **74.129.803**

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	404.906.099.170	376.685.894.815
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	480.931.038	737.634.605
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	133.818.850	160.417.142
Giá vốn kinh doanh bất động sản	348.043.124	632.935.908
Giá vốn hoạt động gia công	18.540.435.969	29.689.056.427

424.409.328.151 **407.905.938.897**

Giá vốn đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

586.876.284 **185.914.921**

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	330.088.118	530.002.298
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.087.039.721	329.306.877
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	578.463.644	492.741.717

1.995.591.483 **1.352.050.892**

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.114.652.106	1.688.408.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	164.235.255	748.501.114
Chi phí tài chính khác	-	2.673.259

2.278.887.361 **2.439.582.450**

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.250.122	5.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.750.272.279	4.202.684.191
Chi phí khác bằng tiền	138.682.862	175.429.472

3.900.205.263 **4.383.713.663**

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.708.861.914	2.353.266.640
Chi phí nhân công	16.722.530.847	17.602.014.619
Thuế, phí, lệ phí	718.792.821	879.971.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.137.965.287	660.994.878
Chi phí khác bằng tiền	2.725.614.236	3.847.165.407

23.013.765.105 **25.343.413.227**

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	110.000.000	123.636.363
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	34.093.450	31.616.550
Thu nhập từ công nợ tồn đọng lâu không phải trả	1.223.203.725	-
Thu nhập khác	5.581.818	18.949.724

1.372.878.993 **174.202.637**

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.612.417.117	11.894.833.181
Các khoản điều chỉnh tăng	52.232.000	93.709.000
- Chi phí không hợp lệ	52.232.000	93.709.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.226.500.000)	(2.090.000.000)
- Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	(2.226.500.000)	(2.090.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.438.149.117	9.898.542.181

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%) **1.887.629.823** **1.979.708.436**

Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước
vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay - (10.191.280)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm 483.543.525 364.630.010

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm (2.087.805.789) (1.850.603.641)

Thuế TNDN phải nộp cuối năm **283.367.559** **483.543.525**

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/28/HP-TNH/2009 ngày 06 tháng 05 năm 2009 và biên bản bổ sung hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/28/HP-TNH/2009 ngày 25/04/2013, Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú góp vốn bằng quyền sử dụng 1.490m2 tại số 168 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, Tp.HCM để Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Thiên Nam Hòa xây dựng trung tâm thương mại để kinh doanh. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú được hưởng lợi nhuận sau thuế cố định theo từng năm nên Công ty loại trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế. Khoản thu nhập này đang được phản ánh trên doanh thu kinh doanh bất động sản (xem thuyết minh số 20).

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.724.787.294	9.925.316.025
Các khoản điều chỉnh:	(4.667.897.901)	(4.962.658.013)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(4.667.897.901)	(4.962.658.013)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.056.889.393	4.962.658.012
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.528	2.481

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.679.371.294	282.391.704.743
Chi phí nhân công	101.732.970.889	98.306.273.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.995.015.034	6.464.333.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.646.057.008	32.013.567.748
Chi phí khác bằng tiền	7.388.829.779	12.793.464.920
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	455.442.244.004	431.969.345.036

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.276.826.880	-	17.045.930.713	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.875.611.400	-	49.720.775.827	-
Tổng tài sản tài chính	60.152.438.280	-	66.766.706.540	-

Giá trị sổ kế toán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	64.265.912.719	69.407.085.069
Phải trả người bán, phải trả khác	46.374.998.900	43.092.869.085
Chi phí phải trả	46.568.123	146.478.149
Tổng nợ phải trả tài chính	110.687.479.742	112.646.432.303

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	trở xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.276.826.880	-	-	20.276.826.880
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.875.611.400	-	-	39.875.611.400
Tổng tài sản tài chính	60.152.438.280	-	-	60.152.438.280

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản trương đương tiền	17.045.930.713	-	-	17.045.930.713
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.720.775.827	-	-	49.720.775.827
	66.766.706.540	-	-	66.766.706.540

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	64.265.912.719	-	-	64.265.912.719
Phải trả người bán, phải trả khác	46.374.998.900	-	-	46.374.998.900
Chi phí phải trả	46.568.123	-	-	46.568.123
	110.687.479.742	-	-	110.687.479.742

Tại ngày 01/01/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	69.407.085.069	-	-	69.407.085.069
Phải trả người bán, phải trả khác	43.092.869.085	-	-	43.092.869.085
Chi phí phải trả	146.478.149	-	-	146.478.149
	112.646.432.303	-	-	112.646.432.303

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	128.923.936.571	144.595.178.821

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	134.065.108.921	131.318.603.909

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	378.107.061.018	83.739.071.503	461.846.132.521
Tài sản bộ phận	162.138.975.819	10.482.725.932	172.621.701.751
Tổng chi phí mua TSCĐ	9.885.666.600	-	9.885.666.600

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28 Xí nghiệp may đo	Công ty mẹ Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Công ty con cùng tập đoàn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.272.727	185.914.921
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	5.454.545	-
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	-	185.914.921
Xí nghiệp may đo	3.818.182	-
Mua vật tư, nguyên liệu	586.876.284	185.914.921
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	481.381.374	185.914.921
Xí nghiệp may đo	105.494.910	-
Chia cổ tức	2.346.080.000	2.666.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	2.346.080.000	2.666.000.000
Chi trả tiền vay	-	6.549.840.000
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	6.549.840.000
Lãi vay	-	87.331.200
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	87.331.200

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	17.550.000
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	-	17.550.000
Phải trả khác	121.463.885	1.410.415.144
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	121.463.885	1.410.415.144

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	476.174.602	494.204.135
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	429.732.333	446.858.878

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn AASC kiểm toán.


Nguyễn Thanh Định
Người lập


Tăng Hùng
Kế toán trưởng


Lê Đức Khiêm
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Khiêm